

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HSST  
Ngày 16 – 02 – 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trọng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Minh Mẫn và bà Bùi Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông

Dương Hoàng Long - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Anh T**; Tên gọi khác: Cu Lý; Sinh năm 1998; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;  
Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Trần Công Ph (sinh năm 1972) hiện đang sống tại tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C; con bà: Đặng Thị C (Sinh năm 1976) hiện đang sống tại xã B, huyện Th, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D (sinh năm 1996, không đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2016;

Tiền án: 02 Tiền án: Ngày 04/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (theo Bản án số: 297/ST, ngày 04/11/2019). Đến ngày 25/6/2020, bị cáo đã chấp hành xong hành phạt tù. Ngày 05/3/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù tội Trộm cắp tài sản, (theo Bản án số: 73/2021/HS-ST ngày 05/3/2021). Đến ngày 16/9/2021, bị cáo đã chấp hành xong hành phạt tù.

Nhân thân: Ngày 29/01/2015 bị cáo bị Công an huyện Cư M'gar ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:*

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Trần Công P, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1995 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Q, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vào ngày 16/9/2021, Trần Anh T chấp hành xong bản án số 73/2021/HS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B về tội Trộm cắp tài sản thì T dẫn vợ là Nguyễn Thị D (sinh năm 1996; cư trú tại Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) cùng con nhỏ là cháu Trần Thị Thanh N (sinh năm 2016) đến ở chung nhà với ông Trần Công P (bố của Trần Anh T) tại 06 D, tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vợ chồng T, D đã bốn lần rủ nhau lấy trộm số sắt của ông Nguyễn Văn H (sinh năm: 1979, cư trú tại 04 D, tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C) gửi ở sân nhà ông P, đem đi bán phế liệu lấy tiền tiêu xài cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 23/10/2021, T và D lấy trộm được 16 kg sắt của ông H rồi mang đến bán tại tiệm thu mua phế liệu của chị Đỗ Thị L (sinh năm 1995, cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Q, huyện C) được 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào ngày 26/10/2021, T và D tiếp tục lấy trộm được 12 kg sắt của ông H rồi mang đến bán tại tiệm thu mua phế liệu của chị L được 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào ngày 30/10/2021, T và D tiếp tục lấy trộm được 09 kg sắt của ông H rồi mang đến bán tại tiệm thu mua phế liệu của chị L được 90.000đ (chín mươi nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ tư: Ngày 03/11/2021, T và D tiếp tục lấy trộm được 05 thanh sắt gồm: 01 thanh sắt hình hộp chữ nhật, có kích thước (4x2x192)cm; 01 thanh sắt hình hộp chữ nhật, có kích thước (3x3x352)cm; 02 thanh sắt hình hộp chữ nhật, có kích thước (3x3x300)cm; 01 thanh sắt hình hộp chữ nhật, có kích thước (3x3x300)cm, tổng cộng được 14,5 kg rồi mang đến bán tại tiệm thu mua phế liệu của chị L được 145.000đ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 03/11/2021 ông H phát hiện mất trộm số sắt nên đã trình báo với Công an huyện C.

Tại Bản kết luận định giá số 92/KL-HĐĐGTS, ngày 05/11/2021 của Hội đồng định giá huyện C kết luận: tổng giá trị tài sản theo yêu cầu định giá 515.000đ (Năm trăm mười lăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 01/CT – VKS ngày 10 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “**Trộm cắp tài sản**”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Trần Anh T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Anh T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T mức án từ **12 tháng tù đến 15 tháng tù**

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H 06 cây sắt hình hộp chữ nhật; 01 thanh sắt hình tròn.

Bị cáo không tranh luận bào chữa gì mà chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù là có phần nghiêm khắc vì bị cáo trộm cắp tài sản có trị giá: 515.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của **người bị hại, người liên quan** và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Anh T là người đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2021 đến ngày 03/11/2021 tại sân nhà của ông LTrần Công P thuộc tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 51,5kg sắt của ông Nguyễn Văn H (gửi ở sân nhà ông P) trị giá: 515.000đồng thì bị phát hiện xử lý. Hành vi trên đây của bị cáo Trần Anh T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài*

sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; ...”*

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo biết rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, với bản chất tham lam, lười lao động nhưng thích hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác nên trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 515.000 đồng, vì vậy bị cáo phải chịu mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã gây ra.

[5] Tuy nhiên xét thấy bị cáo sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm **h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự** nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Công an huyện Cư M’Gar đã thu giữ 06 cây sắt hình hộp chữ nhật; 01 thanh sắt hình tròn. Đây là tài sản của ông Nguyễn Văn H nên ngày 25/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án là ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị D đã cùng với bị cáo Trần Anh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng quá trình điều tra xác định D chưa có tiền án, tiền sự. Mặt khác, giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng đối với Nguyễn Thị D là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47H1-035.05. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Trần Công P cho bị cáo Trần Anh T và Nguyễn Thị D mượn làm phương tiện để đi lại, việc bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội ông P không biết. Do đó Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô trên và không đề cập xử lý đối với ông P là phù hợp.

Đối với bà Đỗ Thị L là người mua sắt của bị cáo T. Khi mua bà L không biết tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà L là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo **Trần Anh T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H 06 cây sắt hình hộp chữ nhật; 01 thanh sắt hình tròn. *(có đặc điểm trong biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 04/11/2021)*

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Anh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, **người có quyền lợi nghĩa vụ L quan** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- VKS huyện C;
- CA huyện C;
- THA dân sự; THA hình sự;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người L quan;
- Lưu văn thư; hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Trọng Phụng**